

## CHƯƠNG 7

# DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP

Nghiên cứu doanh thu và chi phí trong doanh nghiệp giúp chúng ta xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phân biệt khái niệm doanh thu - chi phí và thu - chi mà trên thực tế đôi khi vẫn bị nhầm lẫn.

Doanh thu và chi phí được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và được sử dụng để xác định kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thu, chi phản ánh các luồng tiền vào, luồng tiền ra của doanh nghiệp thường trong thời kỳ ngắn: từng tuần, từng tháng và cho biết khả năng thanh toán đích thực hay khả năng chi trả của doanh nghiệp. Các khoản thu và các khoản chi được thể hiện trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Ngân quỹ). Đây là cơ sở quan trọng để nhà quản lý xây dựng kế hoạch tiền mặt của doanh nghiệp.

Nghiên cứu doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong doanh nghiệp còn giúp người ta lập và hiểu các báo cáo tài chính doanh nghiệp, nhận biết được mối liên hệ giữa báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng cân đối kế toán - những căn cứ để phân tích tài chính doanh nghiệp.

Nghiên cứu doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong doanh nghiệp là tiền đề để dự đoán và xác định được quy mô các dòng tiền trong tương lai, làm căn cứ tính toán thời gian thu hồi vốn đầu tư, giá trị hiện tại ròng (NPV), tỷ lệ nội hoàn (IRR) v.v... để ra quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

### 7.1. Chi phí của doanh nghiệp

Mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp là tối đa hoá giá trị tài sản cho các chủ sở hữu. Bởi vậy, doanh nghiệp phải bỏ ra những khoản chi phí nhất định trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh. Tùy theo loại hình kinh doanh của doanh nghiệp mà tỷ trọng các bộ phận chi phí có thể không giống nhau và cũng tùy theo các cách tiếp cận khác nhau, người ta có thể xem xét các loại chi phí dưới các góc độ khác nhau.

### **7.1.1. Chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ sản phẩm.**

#### **7.1.1.1. Chi phí sản xuất của doanh nghiệp**

Trong quá trình sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp phải tiêu hao các loại vật tư, nguyên vật liệu, hao mòn máy móc thiết bị, trả công cho những người lao động v.v.... Do vậy, có thể hiểu chi phí sản xuất của một doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của tất cả các hao phí về vật chất và về lao động mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất sản phẩm trong một thời kỳ nhất định. Các chi phí này phát sinh có tính thường xuyên và gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm. Do đặc điểm của chi phí sản xuất là chi phí hàng ngày gắn liền với từng vị trí sản xuất, từng loại sản phẩm và từng loại hoạt động sản xuất - kinh doanh, việc tổng hợp, tính toán chi phí sản xuất cần được tiến hành trong từng khoảng thời gian nhất định, không phân biệt các sản phẩm sản xuất đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Để quản lý và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các định mức chi phí, tính toán được kết quả tiết kiệm chi phí ở từng bộ phận sản xuất và toàn doanh nghiệp, kiểm tra và phân tích quá trình phát sinh chi phí và hình thành giá thành sản phẩm người ta cần phân loại chi phí sản xuất. Thông thường, người ta sử dụng một số cách phân loại chi phí như sau:

**Thứ nhất: Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố**, tức là sắp xếp các chi phí có cùng tính chất kinh tế vào một loại, mỗi loại là một yếu tố chi phí, theo cách phân loại này chi phí sản xuất bao gồm 3 nhóm yếu tố sau:

- + Chi phí vật tư.
- + Lương nhân công trực tiếp.
- + Chi phí sản xuất chung.

**Thứ hai: Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục tính giá thành.** Cách phân loại này dựa vào công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh của chi phí để sắp xếp chi phí thành những khoản mục nhất định, qua đó, phân tích tác động của từng khoản mục chi phí đến giá thành.

**Thứ ba: Phân loại chi phí sản xuất thành chi phí cố định và chi phí biến đổi.** Phân loại chi phí theo cách này để có phương thức quản lý phù hợp với từng loại chi phí.

Để quản lý tốt chi phí, ngoài phân loại chi phí, các doanh nghiệp cần phải xem xét cơ cấu chi phí sản xuất để định hướng thay đổi tỷ trọng mỗi loại chi phí sản xuất.

Cơ cấu chi phí sản xuất là tỷ trọng giữa các yếu tố chi phí trong tổng số chi phí sản xuất. Các doanh nghiệp trong cùng một ngành và giữa các ngành khác nhau có cơ cấu chi phí sản xuất khác nhau. Cơ cấu chi phí sản xuất chịu tác động của nhiều nhân tố như: loại hình và quy mô sản xuất của từng doanh nghiệp, trình độ kỹ thuật, trang thiết bị, điều kiện tự nhiên, công tác tổ chức, năng lực quản lý, trình độ tay nghề của công nhân v.v..

***Nghiên cứu cơ cấu chi phí sản xuất nhằm:***

- Xác định tỷ trọng và xu hướng thay đổi của từng yếu tố chi phí sản xuất.
- Kiểm tra giá thành sản phẩm và có biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

**7.1.1.2. Chi phí tiêu thụ sản phẩm**

Đối với các doanh nghiệp, tiêu thụ sản phẩm là hết sức quan trọng. Khối lượng sản phẩm hàng hoá tiêu thụ ảnh hưởng quyết định tới quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để thực hiện tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp cũng phải bỏ những chi phí nhất định.

*Chi phí lưu thông sản phẩm bao gồm:* chi phí trực tiếp tiêu thụ sản phẩm; chi phí hỗ trợ marketing và phát triển.

*Chi phí trực tiếp tiêu thụ sản phẩm bao gồm:* chi phí chọn lọc, đóng gói; chi phí bao bì, vận chuyển, bảo quản; chi phí thuê kho, bến bãi v.v...

*Chi phí hỗ trợ marketing và phát triển bao gồm:* chi phí điều tra nghiên cứu thị trường; chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm; chi phí bảo hành sản phẩm v.v...Tỷ trọng của chi phí này có xu hướng tăng trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển.

**7.1.1.3. Giá thành sản phẩm**

Nghiên cứu chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa cho biết lượng chi phí cần thiết để hoàn thành sản xuất và tiêu thụ một loại sản phẩm hoặc một đơn vị sản phẩm nhất định. Mặt khác, trong hoạt động kinh doanh, khi quyết định lựa chọn phương án kinh doanh một loại sản phẩm nào đó, doanh

doanh nghiệp cần phải tính đến lượng chi phí bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ một sản phẩm hoặc một khối lượng sản phẩm đó. Do vậy, doanh nghiệp cần phải xác định giá thành sản phẩm.

*Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ chi phí của doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất hoặc để sản xuất và tiêu thụ một loại sản phẩm nhất định.*

Giữa giá thành sản phẩm và chi phí sản xuất có sự giống nhau và khác nhau: chi phí sản xuất hợp thành giá thành phẩm, nhưng không phải toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đều được tính vào giá thành sản phẩm trong kỳ. Giá thành sản phẩm phản ánh lượng chi phí để hoàn thành sản xuất hoặc sản xuất và tiêu thụ 1 đơn vị hay 1 khối lượng sản phẩm nhất định, còn chi phí sản xuất và lưu thông sản phẩm thể hiện số chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong một thời kỳ nhất định, thời kỳ này thường là một năm.

Trong phạm vi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, có thể phân biệt giá thành sản xuất sản phẩm và giá thành tiêu thụ sản phẩm. *Giá thành sản xuất sản phẩm* (đối với sản phẩm xây dựng là giá thành thi công) bao gồm toàn bộ chi phí bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất sản phẩm. *Giá thành tiêu thụ sản phẩm* còn được gọi là giá thành toàn bộ sản phẩm bao gồm toàn bộ chi phí để hoàn thành cả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Trên giác độ kế hoạch hoá, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp được phân biệt thành giá thành kế hoạch và giá thành thực tế.

Các doanh nghiệp hoạt động luôn phải quan tâm tới việc giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Hạ giá thành sản phẩm là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp thực hiện tốt tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp có thể hạ giá bán để tiêu thụ sản phẩm và thu hồi vốn nhanh. Đồng thời, hạ giá thành là yếu tố quan trọng để tăng lợi nhuận.

Hạ giá thành sản phẩm trong kỳ được xác định cho những sản phẩm so sánh được thông qua 2 chỉ tiêu: mức giảm giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm.

Riêng đối với sản phẩm xây dựng cơ bản, người ta chỉ so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch hoặc giá thành dự toán của khối lượng sản phẩm trong cùng một kỳ.

## **Chương 7: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp**

---

*Các nhân tố ảnh hưởng tới chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm doanh nghiệp:*

- Sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và công nghệ.
- Tổ chức lao động khoa học và chiến lược sử dụng lao động.
- Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính.

### **7.1.2. Chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm các chi phí có liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Đây cũng là một cách tiếp cận phổ biến trong nền kinh tế thị trường.

*Dựa vào tính chất các yếu tố chi phí:* chi phí hoạt động kinh doanh được chia thành các loại sau:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực (gọi tắt là chi phí vật tư).
- Chi phí vật tư phụ thuộc vào 2 yếu tố là mức tiêu hao vật tư và giá vật tư.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định (KHTSCĐ).

Chi phí KHTSCĐ được xác định dựa vào nguyên giá TSCĐ cần tính khấu hao và tỷ lệ KHTSCĐ.

- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương.
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Thuế và các chi phí khác.

*Dựa vào nội dung các yếu tố chi phí:* chi phí hoạt động kinh doanh được chia thành các khoản mục chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Chi phí sản xuất trực tiếp bao gồm:

- Chi phí vật tư trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

*\* Giá thành sản xuất*

$$\begin{aligned} \text{Giá thành sản xuất} &= \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chênh lệch sản phẩm dở dang} \\ \text{Chênh lệch sản phẩm dở dang} &= \text{Sản phẩm dở dang đầu kỳ} - \text{Sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{aligned}$$

*\* Giá vốn hàng bán*

$$\begin{aligned} \text{Giá vốn hàng bán} &= \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chênh lệch thành phẩm tồn kho} \\ \text{Chênh lệch thành phẩm tồn kho} &= \text{Thành phẩm tồn kho đầu kỳ} - \text{Thành phẩm tồn kho cuối kỳ} \end{aligned}$$

Riêng đối với doanh nghiệp thương mại:

$$\begin{aligned} \text{Giá vốn hàng bán} &= \text{Giá vốn hàng mua} + \text{Chênh lệch hàng hoá tồn kho} \\ \text{Chênh lệch hàng hoá tồn kho} &= \text{Hàng hoá tồn kho đầu kỳ} - \text{Hàng hoá tồn kho cuối kỳ} \end{aligned}$$

**\* Chi phí bán hàng:** gồm các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá và dịch vụ như: tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, tiếp thị, đóng gói, bảo quản, khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bảo hành, quảng cáo.

**\* Chi phí quản lý doanh nghiệp:** gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác có liên quan tới toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu để dùng cho văn phòng, KHTSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp, các khoản thuế, lệ phí, bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng doanh nghiệp và các chi phí khác chung cho toàn doanh nghiệp như, lãi vay, dự phòng, phí kiểm toán, tiếp tân, tiếp khách, công tác phí v.v...

### **7.1.3. Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động bất thường**

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:* chi phí liên doanh liên kết, chi phí thuê tài sản, chi phí vay nợ, chi phí mua, bán chứng khoán.

*Chi phí hoạt động bất thường bao gồm:* chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị tổn thất sau khi đã giảm trừ và chi phí bất thường khác.

## **7.2. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập của doanh nghiệp**

### **7.2.1. Tiêu thụ sản phẩm và doanh thu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp**

Tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp được coi là hoạt động xuất bán sản phẩm cho đơn vị mua để nhận được số tiền về sản phẩm đó. Như vậy, việc chọn thời điểm để xác định quá trình tiêu thụ sản phẩm hoàn thành là một trong những khâu quan trọng liên quan đến rất nhiều vấn đề khác trong hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp như: công tác quản lý thu thuế, quản lý tiền mặt, quản lý khoản phải thu v.v...

Quá trình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp được coi là hoàn thành khi doanh nghiệp nhận được chấp nhận trả tiền của bên mua hàng.

Việc chọn thời điểm này, một mặt, giúp công tác quản lý thu thuế của cơ quan thuế được dễ dàng, tiện lợi và mặt khác, cũng thúc đẩy các doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành việc thu tiền đảm bảo vốn cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo.

Khi hoàn thành việc tiêu thụ sản phẩm cũng có nghĩa là doanh nghiệp có doanh thu tiêu thụ sản phẩm. Doanh thu của doanh nghiệp là số tiền mà khách hàng chấp nhận trả. Đây là bộ phận thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Như vậy, việc tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp luôn gắn chặt với tình hình biến động của thị trường. Điều đó cho thấy: việc lựa chọn sản phẩm kinh doanh, chọn thị trường tiêu thụ, việc chọn thời điểm tiêu thụ cũng như các quyết định về giá cả của doanh nghiệp liên quan chặt chẽ đến doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập của doanh nghiệp.

#### **7.2.2. Doanh thu của doanh nghiệp**

Căn cứ vào nguồn hình thành, doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh
- Doanh thu từ hoạt động tài chính

- Doanh thu từ hoạt động bất thường.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, nó là nguồn để doanh nghiệp trang trải các chi phí, thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đối với các loại hình doanh nghiệp với các hoạt động khác nhau, doanh thu cũng khác nhau.

*Đối với các cơ sở sản xuất, khai thác, chế biến v.v....* Doanh thu là toàn bộ tiền bán sản phẩm, nửa thành phẩm, bao bì, nguyên vật liệu.

*Đối với ngành xây dựng:* Doanh thu là giá trị công trình hoàn thành bàn giao.

*Đối với ngành vận tải:* Doanh thu là tiền cước phí.

*Đối với ngành thương nghiệp, ăn uống:* Doanh thu là tiền bán hàng.

*Đối với hoạt động đại lý, uỷ thác:* Doanh thu là tiền hoa hồng.

*Đối với ngành kinh doanh dịch vụ:* Doanh thu là tiền bán dịch vụ.

*Đối với hoạt động kinh doanh tiền tệ:* Doanh thu là tiền lãi.

*Đối với hoạt động bảo hiểm:* Doanh thu là phí bảo hiểm.

*Đối với hoạt động cho thuê:* Doanh thu là tiền thuê.

*Đối với hoạt động biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao:* Doanh thu là tiền bán vé.

### **7.3. Lợi nhuận của doanh nghiệp (thu nhập của doanh nghiệp)**

#### **7.3.1. Khái niệm lợi nhuận của doanh nghiệp**

##### **7.3.1.1. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp**

Lợi nhuận trước thuế hay thu nhập trước thuế của doanh nghiệp được hiểu là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí bỏ ra để đạt được doanh thu đó.

*Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận từ hoạt động bất thường.*



*Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh* là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và chi phí hoạt động kinh doanh.

*Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động tài chính* là chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

*Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động bất thường* là chênh lệch giữa doanh thu hoạt động bất thường và chi phí hoạt động bất thường.

*Lợi nhuận trước thuế từ các hoạt động* là tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp. Lợi nhuận trước thuế là cơ sở để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **7.3.1.2. Lợi nhuận sau thuế (thu nhập sau thuế) của doanh nghiệp**

*Lợi nhuận sau thuế* là chênh lệch giữa lợi nhuận trước thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập DN}$$

Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp có tồn tại và phát triển được hay không phụ thuộc rất lớn vào việc doanh nghiệp có tạo ra được lợi nhuận hay không. Lợi nhuận là một chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp, là nguồn quan trọng để doanh nghiệp tái đầu tư mở rộng sản xuất. Trên phạm vi xã hội, lợi nhuận là nguồn để thực hiện tái sản xuất xã hội. Tuy vậy, lợi nhuận không phải là chỉ tiêu duy nhất để đánh giá chất lượng hoạt động của một doanh nghiệp. Bởi vì lợi nhuận là chỉ tiêu tài chính cuối cùng nên nó chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố chủ quan, khách quan. Do vậy, để đánh giá chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp, người ta phải kết hợp chỉ tiêu lợi nhuận với các chỉ tiêu về tỉ suất lợi nhuận như tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỉ suất lợi nhuận trên tài sản v.v...

#### **7.3.2. Phân phối lợi nhuận**

Phân phối lợi nhuận nhằm mục đích chủ yếu tái đầu tư mở rộng năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích người

lao động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Về nguyên tắc, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp được sử dụng một phần để chia lãi cổ phần, phần còn lại là lợi nhuận không chia. Tỷ lệ phần lợi nhuận chia lãi và lợi nhuận không chia tùy thuộc vào chính sách của Nhà nước (đối với doanh nghiệp Nhà nước) hay chính sách cổ tức cổ phần của đại hội cổ đông (đối với các doanh nghiệp khác) ở mỗi doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sau thuế, sau khi nộp phạt và các khoản khác nếu có, được trích lập các quỹ của doanh nghiệp như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

- Các quỹ doanh nghiệp.

+ *Quỹ đầu tư phát triển*: Quỹ này được sử dụng vào các mục đích sau:

- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.
- Đổi mới, thay thế máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp.
- Nghiên cứu khoa học, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.
- Bổ sung vốn lưu động.
- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu.
- Trích nộp cấp trên (nếu có).

+ *Quỹ dự phòng tài chính*: Dùng để bù đắp khoản chênh lệch từ những tổn thất, thiệt hại về tài sản do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh doanh không được tính trong giá thành và đền bù của cơ quan bảo hiểm.

Trích nộp để hình thành quỹ dự phòng tài chính của Tổng công ty (nếu là thành viên của Tổng công ty) theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định hàng năm và được sử dụng để hỗ trợ các tổn thất, thiệt hại

trong quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên theo cơ chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

+ *Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm*: Dùng để trợ cấp cho người lao động có thời gian làm việc tại doanh nghiệp đủ một năm trở lên bị mất việc làm và chi cho việc đào tạo lại chuyên môn, kỹ thuật cho người lao động do thay đổi công nghệ hoặc chuyển sang việc mới, đặc biệt là đào tạo nghề dự phòng cho lao động nữ của doanh nghiệp.

Trợ cấp cho người lao động mất việc làm do các nguyên nhân khách quan như: lao động dôi ra vì thay đổi công nghệ, do liên doanh, do thay đổi tổ chức trong khi chưa bố trí công việc khác, hoặc chưa kịp giải quyết cho thôi việc.

Mức trợ cấp cho thời gian mất việc làm do Giám đốc và Chủ tịch công đoàn doanh nghiệp xét cụ thể theo pháp luật hiện hành.

Doanh nghiệp phải trích nộp để hình thành Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Tổng Công ty (nếu là thành viên Tổng Công ty) theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định.

+ *Quỹ phúc lợi dùng để*:

Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của doanh nghiệp, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận; chi cho các hoạt động phúc lợi xã hội, thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên doanh nghiệp; đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội (các hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội công cộng); trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể sử dụng quỹ này để chi trợ cấp khó khăn cho người lao động của doanh nghiệp đã về hưu, mất sức hay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa và chi cho công tác từ thiện xã hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (nếu doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) quyết định sử dụng sau khi có ý kiến thỏa thuận của Công đoàn doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải trích nộp để hình thành quỹ phúc lợi tập trung của Tổng công ty (nếu là thành viên Tổng công ty) theo tỷ lệ do Hội đồng quản

trị Tổng công ty quyết định và được sử dụng cho các mục tiêu theo quy chế tài chính Tổng công ty.

+ *Quỹ khen thưởng dùng để:*

Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, mức thưởng do Hội đồng quản trị, Giám đốc (nếu doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) quyết định sau khi có ý kiến tham gia của Công đoàn doanh nghiệp trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác và mức lương cơ bản của mỗi cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong doanh nghiệp có sáng kiến cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh doanh, mức thưởng do Hội đồng quản trị, giám đốc (nếu doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) quyết định.

Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài doanh nghiệp có quan hệ hợp đồng kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện của hợp đồng, mang lại lợi ích chi doanh nghiệp. Mức thưởng do Hội đồng quản trị hay Giám đốc quyết định.

Trích nộp để hình thành quỹ khen thưởng tập trung của Tổng Công ty (nếu là thành viên Tổng công ty) theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định và sử dụng để khen thưởng cho các đối tượng theo quy chế tài chính Tổng Công ty.

#### **7.4. Một số loại thuế chủ yếu đối với doanh nghiệp**

Đối với doanh nghiệp, phần lớn các khoản thuế phải nộp là những khoản chi của doanh nghiệp. Vì vậy, khi quyết định phương án kinh doanh, doanh nghiệp phải tính tới tác động của thuế và số tiền thuế phải nộp cho từng mặt hàng và từng ngành nghề kinh doanh.

Trong mỗi doanh nghiệp, thuế được tính bắt đầu từ khi doanh nghiệp có doanh thu và thu nhập. Có thể kể đến một số loại thuế chủ yếu: thuế Giá trị gia tăng, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Thu nhập doanh nghiệp.

##### **7.4.1. Thuế Giá trị gia tăng (VAT)**

VAT là loại thuế gián thu, thu trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ qua các giai đoạn từ sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế suất

## Chương 7: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp

được quy định theo thuế suất cố định, căn cứ vào dịch vụ và mặt hàng kinh doanh.

### **Phương pháp xác định:**

\* *Phương pháp khấu trừ:*

$$\text{VAT phải nộp} = \text{VAT thu hộ} - \text{VAT trả hộ}$$

VAT thu hộ được tính theo thuế suất VAT trên doanh thu chưa có thuế (doanh thu ngoài thuế).

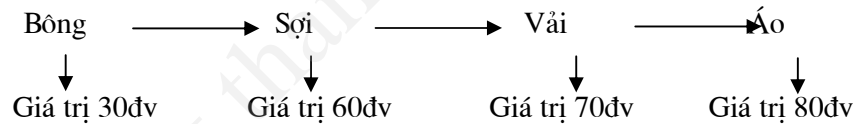
VAT trả hộ được tính theo thuế suất VAT trên chi phí mua hàng ngoài thuế.

\* *Phương pháp trực tiếp:* VAT phải nộp được tính trực tiếp trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ:

$$\text{VAT} = \text{VA} \times \text{Thuế suất VAT}$$

VA = Doanh thu ngoài thuế – Chi phí trung gian ngoài thuế

Ví dụ: Một sản phẩm được sản xuất ra phải trải qua các công đoạn sau đây.



Cho biết giá trị trên chưa có VAT. VAT thuế suất 10% cho cả mua và bán. Người ta tính VAT như sau:

$$\text{Cơ sở sản xuất bông nộp thuế } 30 \times 10\% = 3\text{đv}$$

$$\text{Cơ sở sản xuất sợi nộp thuế } 60 \times 10\% - 3\text{đv} = 3\text{đv}$$

$$\text{Cơ sở sản xuất vải nộp thuế } 70 \times 10\% - 6 = 1\text{đv}$$

$$\text{Cơ sở sản xuất áo nộp thuế } 80 \times 10\% - 7 = 1\text{đv}$$

$$\text{Vậy tổng VAT phải nộp là } 3 + 3 + 1 + 1 = 8\text{đv}$$

Có nghĩa người tiêu dùng áo phải chịu thuế là 8đv và 4đv cơ sở trên phải nộp thuế cũng là 8 đv.

Theo Luật VAT ở Việt Nam: VAT được tính theo 2 cách, hoặc tính theo phương pháp khấu trừ thuế hoặc theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

Theo phương pháp khấu trừ thuế: Số thuế phải nộp bằng thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ bán ra nhân với thuế suất.

Giá tính thuế là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào bằng tổng số thuế giá trị gia tăng đã thanh toán được ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng mua hàng hoá dịch vụ hoặc bằng chi phí mua hàng hoá, dịch vụ chưa có VAT nhân với thuế suất VAT.

Phương pháp khấu trừ thuế được áp dụng đối với các doanh nghiệp có hoá đơn giá trị gia tăng.

- Theo phương pháp tính trực tiếp:

Số thuế phải nộp bằng giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng.

Giá trị gia tăng bằng giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ bán ra trừ giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

#### **7.4.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp được tính bằng công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế} & & \text{Số lượng} & & \text{Giá tính thuế} & & \text{Thuế} & & \text{Thuế TTĐB} \\ \text{TTĐB} & = & \text{hàng hoá} & \times & \text{đ/vị hàng hoá} & \times & \text{suất} & - & \text{được khấu trừ} \\ \text{phải nộp} & & \text{tiêu thụ} & & & & & & \text{đầu vào} \end{array}$$

Về bản chất, thuế Tiêu thụ đặc biệt giống thuế Giá trị gia tăng, nhưng khác với VAT ở các khía cạnh sau:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ được tính đối với một số mặt hàng thuộc diện hạn chế sản xuất kinh doanh hoặc nhập khẩu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thu một lần ở khâu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.
- Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.

#### **7.4.3 Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế tính trên lợi nhuận trước thuế (thu nhập trước thuế) của doanh nghiệp, thuế suất được quy định theo thuế suất tỷ lệ cố định căn cứ vào ngành nghề kinh doanh.

Phương pháp xác định:

$$\begin{aligned} \text{Mức thuế nộp trong kỳ} &= \text{Thu nhập trước thuế} \times 5\% - \text{Thuế suất thuế TNDN} \\ \text{Thu nhập trước thuế} &= \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} \end{aligned}$$

#### **7.4.4. Một số loại thuế khác**

Tuỳ theo các hoạt động cụ thể của doanh nghiệp mà doanh nghiệp có thể phải nộp một số loại thuế khác. Ví dụ: khi doanh nghiệp sử dụng đất, doanh nghiệp phải nộp thuế sử dụng đất; nếu doanh nghiệp nhập khẩu vật tư hàng hoá thì phải nộp thuế nhập khẩu đối với loại vật tư, hàng hoá đó; doanh nghiệp khai thác sử dụng tài nguyên phải nộp thuế sử dụng tài nguyên v.v...

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Doanh thu và thu nhập của doanh nghiệp? Các nhân tố ảnh hưởng tới doanh thu và thu nhập của doanh nghiệp?
2. Chi phí của doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng tới chi phí của doanh nghiệp?
3. Thuế là chi phí của doanh nghiệp. Hãy bình luận.
4. Lợi nhuận và phương pháp xác định lợi nhuận của doanh nghiệp?
5. Nhận xét các phương pháp xác định lợi nhuận doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay?
6. Nhận xét về chế độ phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay?
7. Các nhân tố ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp?
8. Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận tối đa. Hãy bình luận.
9. Mục tiêu nghiên cứu ngân quỹ của doanh nghiệp?
10. Phân biệt doanh thu - chi phí với thu - chi của doanh nghiệp?
11. Sử dụng chỉ tiêu doanh thu cả thuế để tính hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Hãy bình luận.
12. Một doanh nghiệp có lợi nhuận cao thì chắc chắn doanh nghiệp đảm bảo tốt việc chi trả. Hãy bình luận.